

# WEEKLY WRAP

Tuần GD: 22/4/2024 - 26/4/2024

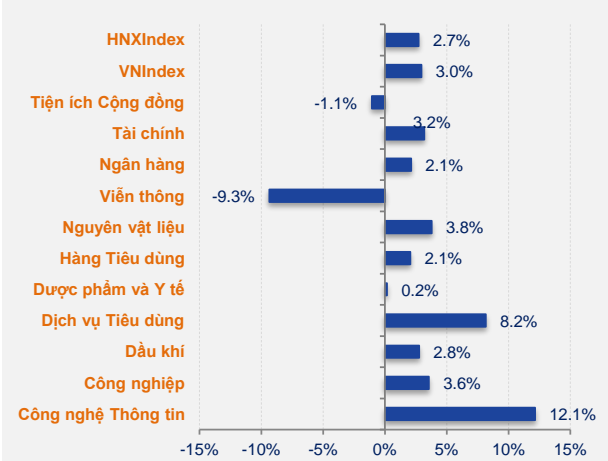
## THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
<b>Thống kê thị trường</b>				
Index	1,209.52 ↑	3.0%	226.82 ↑	2.7%
KLGD (trCP)	3,219.76 ↓	-39.9%	369.36 ↓	-38.4%
GTGD (tỷ VND)	82,800.16 ↓	-36.6%	7,136.12 ↓	-41.6%
Tổng cung (trCP)	8,432.19 ↓	-29.4%	560.81 ↓	-34.8%
Tổng cầu (trCP)	9,356.79 ↓	-27.8%	543.90 ↓	-27.8%

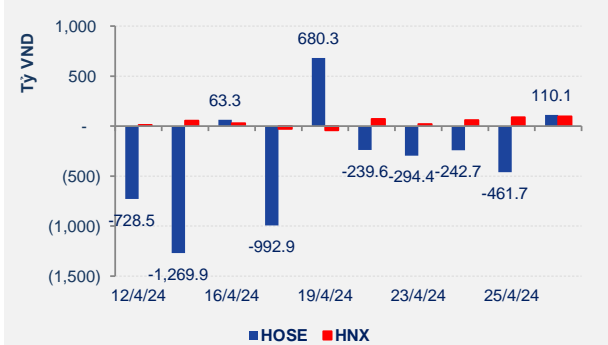
### Giao dịch NĐT nước ngoài

KL mua (trCP)	334.91 ↓	-41.8%	18.08 ↑	1.6%
KL bán (trCP)	384.76 ↓	-40.2%	9.90 ↓	-40.1%
GT mua (tỷ VND)	10,668.62 ↓	-35.7%	579.13 ↑	28.8%
GT bán (tỷ VND)	11,796.84 ↓	-37.4%	239.64 ↓	-43.2%

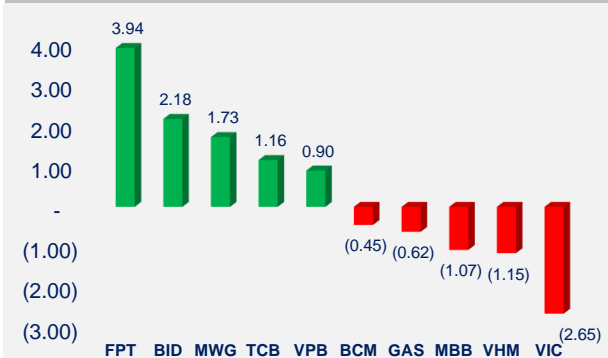
### Biến động giá Ngành theo Tuần



### Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



### Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau tuần giảm điểm mạnh kỷ lục tính từ tháng 10/2022, VN-INDEX tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh về vùng giá thấp nhất tuần trước và phục hồi trở lại, giữ được vùng giá trung bình MA200 phiên với kỳ vọng xu hướng tăng trưởng trung dài hạn vẫn duy trì. VN-INDEX sau đó phục hồi mạnh trong phiên 24/04, lấy lại mốc hỗ trợ tâm lý 1.200 điểm. Trong phiên cuối tuần trước kỳ nghỉ lễ kéo dài, đầu phiên VN-INDEX chịu áp lực rung lắc trước thông tin UBCKNN chưa chấp thuận đề nghị của HOSE đưa hệ thống KRX vào vận hành chính thức vào ngày 2/5/2024, sau đó phục hồi mạnh lên vùng giá 1.216 điểm, tương ứng giá thấp nhất phiên giảm điểm mạnh 15/04/2024. Kết tuần VN-INDEX hồi phục tăng 2,95% lên mức 1.209,52 điểm, duy trì trong vùng giá 1.200 điểm - 1.211 điểm tương ứng giá cao nhất năm 2018 và dưới kháng cự 1.216 điểm - 1.225 điểm tương ứng vùng giá các phiên giảm điểm mạnh tuần trước. HNX-INDEX kết thúc tuần ở mức 226,82 điểm tăng 2,73% so với tuần trước.

Trong tuần thanh khoản trên HOSE chỉ đạt 82.793 tỷ đồng, giảm mạnh 36,6% so với tuần trước, dưới mức trung bình. Thị trường phân hóa mạnh, mức độ phục hồi tốt tập trung ở các mã/nhóm mã kết quả kinh doanh quý I tích cực. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng với giá trị 1.128,61 tỉ đồng trên HOSE, trong khi mua ròng tốt trên HNX với giá trị 339,49 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận nhiều thông tin trong tuần như: GDP quý 1/2024 Mỹ tăng trưởng 1,6%, thấp hơn dự kiến, cũng là mức tăng thấp nhất trong gần hai năm. Lạm phát vẫn ở mức cao khi chỉ số PCE quý I tăng ở mức 3,4% so với cùng kỳ năm ngoái, cao hơn mục tiêu 2% của FED; NHNN kéo dài thời gian áp dụng thông tư 02 đến hết năm 2024; Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) quyết định giữ nguyên lãi suất.

Trong tuần qua, thị trường phục hồi tốt và tâm điểm tích cực là nhóm cổ phiếu công nghệ, viễn thông trước các báo cáo kết quả kinh doanh quý I/2024 tăng trưởng tốt và thông tin FPT hợp tác chiến lược với NVIDIA - Tập đoàn công nghệ đa quốc gia hàng đầu thế giới, nhiều mã tăng giá mạnh, vượt đỉnh, thanh khoản đột biến như VGI (+29,50%), VTK (+19,34%), FOX (+13,45%), FPT (+13,03%), VTP (+10,53%)...

Nhóm cổ phiếu cảng biển cũng có diễn biến nổi bật với GMD (+5,2%) vượt đỉnh với thanh khoản gia tăng mạnh, các mã khác cũng phục hồi tốt như HAH (+8,28%), VOS (+7,07%), VSC (+5,41%)... Các cổ phiếu bán lẻ cũng có diễn biến rất nổi bật trước thông tin kết quả kinh doanh tăng trưởng, nhiều mã tăng giá tốt, thanh khoản đột biến tích cực như FRT (+14,18%), MWG (13,90%), DGW (+10,28%), PET (+4,72%)...

Trong khi đó các cổ phiếu chứng khoán sau khi phục hồi tốt trước thông tin vận hành KRX lại chịu áp lực điều chỉnh trở lại trong phiên cuối tuần, áp lực điều chỉnh với thanh khoản gia tăng hơn. Tuy nhiên kết thúc tuần nhiều mã vẫn phục hồi tốt như TVB (+19,23%), TVS (+9,56%), BVS (+9,26%), VND (+9,26%)... ngoài VFS (-2,56%0, AGR (-1,64%)... Các mã ngân hàng cũng phục hồi tốt với VBB (+15,62%), EIB (+8,79%), TPB (+7,83%), HDB (+6,07%)...

Trên thị trường phái sinh kỳ hạn VN30F2405 kết tuần tăng 3,4%, chênh lệch âm 8,1 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng mạnh trong phiên cuối tuần, vượt mức trung bình. Xu hướng ngắn hạn VN30F2404 đang phục hồi với hỗ trợ vùng giá quanh 1.210 điểm - 1.220 điểm. Kháng cự gần nhất 1.236 điểm, tương ứng giá kết phiên ngày giảm điểm mạnh 15/04/2023. Các kỳ hạn VN30F2406, VN30F2409, VN30F2412 chênh lệch từ -5,9 điểm đến -0,5 điểm so với VN30. Các mức chênh lệch đều âm và mở rộng so với VN30, cho thấy các trader nghiêng về khả năng VN30 sẽ điều chỉnh nhẹ trở lại trong ngắn hạn, gia tăng các vị thế phòng ngừa rủi ro cho VN30.

## WEEKLY WRAP

Tuần GD: 22/4/2024 - 26/4/2024

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Thị trường có tuần phục hồi sau tuần giảm rất mạnh trước đó và trong tuần đã có phiên kiểm định lại vùng hỗ trợ quanh mốc 1.165 điểm tương ứng với giá trung bình MA200 phiên. Chốt tuần VN-Index tăng 34,67 điểm (+2,5%) đóng cửa tại 1.209,52 điểm.

Trong ngắn hạn, với việc đã lấy lại được vùng hỗ trợ 1.200 điểm trước đó, VN-Index đã diễn biến theo kịch bản tích cực là hoàn thành mô hình w nhỏ và tiếp tục có sự phục hồi trong phiên cuối tuần như chúng tôi đã nhận định. Trong tuần tới, thị trường dự báo sẽ tiếp tục nhịp hồi phục ngắn hạn với ngưỡng kháng cự gần quanh vùng 1.225 điểm và xa hơn là 1.250 điểm, tương ứng cạnh trên của vùng tích lũy trung hạn.

Trong trung hạn, việc để mất vùng 1.250 điểm đã khiến Vn-Index đánh mất động lực hình thành uptrend và chỉ số dự báo sẽ dao động trong vùng giá 1.150 điểm – 1.250 điểm để tích lũy trở lại và quá trình này sẽ kéo dài sau diễn biến giảm điểm vừa qua. Tuần qua, số liệu kinh tế và lạm phát tại Mỹ cho những tín hiệu trái chiều và khiến cho việc dự báo chính sách lãi suất của FED thời gian tới khó đoán và khả năng lãi suất chưa sớm giảm như kỳ vọng. Điều này có thể sẽ tiếp tục tạo ra áp lực đối với tỷ giá trong nước, vốn đã căng thẳng thời gian gần đây. Trong bối cảnh này việc thị trường tích lũy cũng là phù hợp và về trung hạn không có nguy cơ rơi vào chu kỳ downtrend mới.

Thị trường dự báo sẽ có các nhịp rung lắc trên đường tiếp tục hồi phục hướng tới vùng 1.225 điểm. Nhà đầu tư ngắn hạn đã giải ngân theo khuyến nghị của chúng tôi tại phiên Vn-Index xác nhận mô hình w nhỏ tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại. Những nhà đầu tư đang có tỷ trọng lớn có thể tranh thủ nhịp hồi phục sắp tới để cơ cấu lại danh mục, hạ tỷ trọng về mức an toàn. Nhà đầu tư trung - dài hạn có thể tiếp tục chiến lược giải ngân dần trong các nhịp giảm điểm, mục tiêu là các mã cổ phiếu đầu ngành, dự báo có triển vọng tích cực trong năm nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



## WEEKLY WRAP

Tuần GD:

22/4/2024

- 26/4/2024

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
IDC	56.20	47-51	58-59	52	13.3	85.4%	167.2%	Theo dõi giải ngân
DPR	37.20	34.5-36.5	43-44	35	15.7	6.6%	61.9%	Theo dõi giải ngân
PVP	14.95	14-14.3	18-18.6	13.5	7.7	-18.7%	91.6%	Theo dõi giải ngân
DTD	25.60	24-25	30-31	25	5.9	-11.6%	117.0%	Theo dõi giải ngân
KBC	29.00	27.5-28.5	32-33	25	11.2	350.3%	113.9%	Theo dõi giải ngân
CTD	66.30	59-62	78-80	57	34.9	-9.2%	265.9%	Theo dõi giải ngân
FPT	123.20	110-114	134-136	94	24.1	12.6%	27.9%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
27/12/2023	TNH	20.60	18.09	23-24	21	13.9%	Nắm giữ
16/4/2024	LHG	31.70	32	38-39	30	-0.9%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	31.60	32.2	37-38	31	-1.9%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	14.95	14.2	18-18.5	13.3	5.3%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	37.20	36.8	43-44	35	1.1%	Nắm giữ
24/4/2024	KBC	29.00	28.75	32-33	27	0.9%	Nắm giữ
24/4/2024	FPT	123.20	114.2	134-136	114	7.9%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ****Ngành hàng không Việt còn nhiều khó khăn**

Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn (SAGS) dự báo năm 2024 sẽ đối mặt với nhiều thách thức khó khăn hơn năm 2023 do sự phục hồi kinh tế toàn cầu chậm vì căng thẳng địa chính trị, lạm phát chưa hạ nhiệt. Các yếu tố như thu nhập người dân của các nước giảm, khiến nhu cầu đi lại và du lịch sẽ chậm và tác động đến ngành hàng không. Nhân tố này có thể nhìn thấy qua việc hai thị trường khách du lịch lớn gồm Trung Quốc và Nga, vốn từng đóng góp lớn cho ngành du lịch và hàng không Việt, giờ vẫn chưa phục hồi trở lại như trước đây.

**Xuất khẩu gạo có nhiều tín hiệu tích cực ngay từ quý đầu năm 2024**

Việt Nam đã tăng xuất khẩu gạo trong Quý I/ 2024 lên 2,18 triệu tấn, tương đương gần 1,43 tỷ USD, giá trung bình 653,9 USD/ tấn. Các thị trường trọng điểm tiếp tục là các thị trường trọng điểm như Philippines, Indonesia và Malaysia. Mặc dù hoạt động thương mại gạo toàn cầu trong năm 2023 còn nhiều diễn biến phức tạp, nhưng với sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự chỉ đạo kịp thời của Bộ Công Thương và các Bộ, ngành về các giải pháp khơi thông thị trường, lưu thông hàng hóa, việc thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu gạo của Việt Nam trong năm 2023 và quý I/ 2024 đã đạt được nhiều kết quả tích cực.

**Phó Thống đốc: Thời gian tới, tỷ giá trung tâm có thể giữ và giảm dần**

Theo Phó thống đốc Đào Minh Tú, thời gian vừa qua, tỷ giá USD/VND trong nước có những phiên tăng nóng và tiền Đồng cũng đã mất giá so với đầu năm, đặc biệt là so với các năm trước. Theo thống kê của nhà điều hành, năm 2023 Đồng Việt Nam mất giá khoảng 2,6%. Tuy nhiên sang năm 2024, qua 4 tháng đầu năm, tỷ giá đồng bạc xanh đã tăng tới 5,9%. Đây là con số “đáng giật mình”. Hiện tại, nhờ các giải pháp can thiệp của NHNN, tỷ giá đã bớt căng thẳng, chỉ còn tăng 4,8% so với đầu năm. Và mức mất giá này của Đồng Việt Nam vẫn thấp so với đà mất giá của nhiều đồng tiền khác trên thế giới như Đài tệ mất 5,96% từ đầu năm; bath Thái mất 7,12%; yen Nhật mất 9,69%; won Hàn Quốc mất 7,71%; franc Thụy Sĩ mất 8,2%... Quan điểm của NHNN là ổn định chứ không phải cố định tỷ giá, tức là tỷ giá lên xuống hài hòa, không để âm trạng thái ngoại tệ.

**Ngân hàng trung ương Nhật Bản giữ nguyên lãi suất, đồng yen giảm xuống mức thấp mới trong 34 năm**

Sau khi kết thúc cuộc họp kéo dài 2 ngày, ngày 26/4, Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) đã quyết định duy trì lãi suất sau lần tăng cách đây một tháng. Theo dự báo mới của BoJ, cơ quan này cho rằng lạm phát sẽ ở quanh mức mục tiêu 2% cho đến tài khóa 2026. Trong tài khóa hiện tại bắt đầu vào tháng 4 này, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) lõi không bao gồm thực phẩm tươi sống được dự báo sẽ tăng 2,8%, cao hơn so với mức dự báo 2,4% trước đó. Sau khi BoJ đưa ra quyết định trên, giá trị đồng yen so với đồng USD đã rơi xuống mức 156 yen/1 USD. Đồng yen đã giảm xuống mức thấp mới trong 34 năm sau khi dao động ở mức trên 155 yen/1 USD vào sáng cùng ngày.

**TIN DOANH NGHIỆP****Chủ tịch Bamboo Capital được bầu vào HĐQT của Eximbank**

Sáng ngày 26/4, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank - EIB) tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Đại hội có sự tham dự của 244 cổ đông, đại diện số lượng cổ phần hơn 1,27 tỷ cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 72,9% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại Đại hội, Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với bà Lê Thị Mai Loan. Trước đó, bà Loan xin từ chức vì lý do cá nhân vào ngày 31/1. Theo đó, Eximbank sẽ bầu bổ sung 1 thành viên HĐQT nhiệm kỳ VII (2020-2025) theo danh sách ứng viên được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. Theo tài liệu công bố tại Đại hội, ứng viên được bầu bổ sung là Chủ tịch CTCP Bamboo Capital, ông Nguyễn Hồ Nam. Ông Nam cũng đang đồng thời giữ chức vụ Chủ tịch tại CTCP Bamboo Energy, Thành viên HĐQT tại Quản lý quỹ Fides Việt Nam.

**Thép Nam Kim ước lãi 200 tỷ đồng quý I/2024, đạt 48% chỉ tiêu lợi nhuận năm**

CTCP Thép Nam Kim đã hoàn thành gần một nửa kế hoạch năm trong bối cảnh xuất khẩu thép có nhiều khởi sắc. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024, ông Hồ Minh Quang, Chủ tịch Hội đồng quản trị, công bố ước tính về kết quả kinh doanh quý I với doanh thu 5.300 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 200 tỷ. Kết thúc quý đầu năm, doanh nghiệp đã thực hiện được 25% mục tiêu doanh thu và 48% chỉ tiêu lợi nhuận năm. Năm 2024, Thép Nam Kim đặt kế hoạch tổng doanh thu 21.000 tỷ đồng, tăng gần 13% so với cùng kỳ, lợi nhuận trước thuế 420 tỷ đồng, tăng 137% so với thực hiện trong năm 2023. Sản lượng bán hàng của công ty đã bán được 250.000 tấn trong quý I và dự kiến sẽ tăng thêm 10% sang quý II. Năm 2024, Thép Nam Kim dự định bán ra 1 triệu tấn thép các loại.

**IDC: IDICO quyết tâm lãi 2.500 tỷ đồng, chia cổ tức bằng tiền 40%**

Tổng Công ty IDICO - CTCP (IDC) đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thành công vào ngày 26/4. Căn cứ vào tình hình cho thuê đất năm 2023 và những nhận định về tình hình kinh tế thế giới nói chung và trong nước nói riêng, IDICO lên kế hoạch kinh doanh năm 2024 với tổng doanh thu hợp nhất 8.466 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 2.502 tỷ đồng, tăng lần lượt 13% và 22% so với năm trước. Công ty sẽ tiếp tục chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 40%.

**ĐHĐCĐ PAN Group - Trả cổ tức tiền mặt sau nhiều năm 'tri ân' bằng hiện vật**

Công ty Tập đoàn PAN (PAN) đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 và lên kế hoạch doanh thu 14.780 tỷ đồng, tăng 12% so với năm trước, lợi nhuận trước thuế 1.057 tỷ đồng, tăng 10% so với mức kỷ lục của năm 2023. Năm 2023, công ty dự kiến trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% đồng thời trích 5 tỷ đồng vào các quỹ khen thưởng phúc lợi. Năm 2024, mức cổ tức bằng tiền dự kiến là 5% (nếu đạt chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra). Công ty đặt mục tiêu tăng dần cổ tức qua các năm và đặt mục tiêu tăng dần cổ tức qua các năm. Ban lãnh đạo PAN đánh giá năm 2024 tiếp tục là một năm nhiều thử thách cho hoạt động sản xuất kinh doanh khi các điều kiện kinh tế vĩ mô tiếp tục có những biến động khó lường, và có ảnh hưởng bất lợi tới mở rộng sản xuất kinh doanh.

**HOSE**
**Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất**

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	<b>MWG</b>	12,080,291	<b>FUEVFNVD</b>	(60,154,000)
2	<b>VND</b>	11,762,982	<b>VHM</b>	(8,352,174)
3	<b>HPG</b>	10,119,184	<b>SHB</b>	(7,019,013)
4	<b>TPB</b>	8,532,704	<b>HDB</b>	(6,228,446)
5	<b>SSI</b>	6,462,167	<b>LPB</b>	(5,629,923)

**HNX**

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	<b>PVS</b>	8,026,734	<b>SHS</b>	(1,299,900)
2	<b>MBS</b>	1,305,177	<b>CEO</b>	(707,300)
3	<b>LAS</b>	994,000	<b>TNG</b>	(224,500)
4	<b>BVS</b>	821,500	<b>TIG</b>	(175,900)
5	<b>DTD</b>	359,500	<b>IDC</b>	(165,642)

**Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần**

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
<b>EIB</b>	16.50	17.95	↑ 8.79%	143,590,794
<b>SHB</b>	11.15	11.45	↑ 2.69%	141,246,274
<b>VIX</b>	16.30	16.85	↑ 3.37%	107,105,300
<b>MBB</b>	22.70	22.25	↓ -1.98%	105,177,201
<b>DIG</b>	27.40	27.80	↑ 1.46%	103,094,800

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
<b>SHS</b>	17.40	18.30	↑ 5.17%	96,024,880
<b>CEO</b>	17.70	18.10	↑ 2.26%	40,071,180
<b>PVS</b>	38.40	39.70	↑ 3.39%	28,520,609
<b>HUT</b>	16.80	16.90	↑ 0.60%	22,099,462
<b>MBS</b>	25.60	27.00	↑ 5.47%	16,688,304

**Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần**

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
<b>HAS</b>	7.00	9.22	2.2	↑ 31.71%
<b>DXV</b>	5.22	6.36	1.1	↑ 21.84%
<b>TCO</b>	9.80	11.80	2.0	↑ 20.41%
<b>TVB</b>	6.71	8.00	1.3	↑ 19.23%
<b>HID</b>	2.66	3.16	0.5	↑ 18.80%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
<b>CAG</b>	8.60	13.40	4.8	↑ 55.81%
<b>AAV</b>	3.30	4.90	1.6	↑ 48.48%
<b>DC2</b>	7.20	9.30	2.1	↑ 29.17%
<b>CAN</b>	45.70	54.90	9.2	↑ 20.13%
<b>ATS</b>	10.00	12.00	2.0	↑ 20.00%

**Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần**

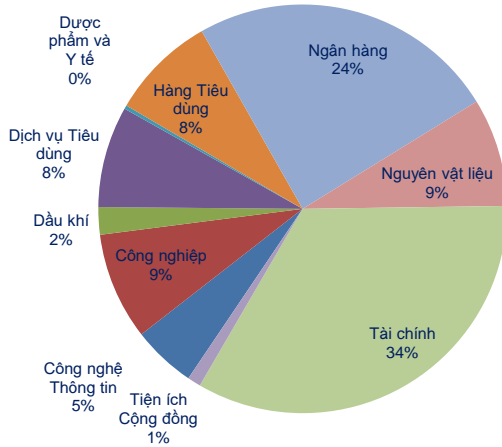
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
<b>QCG</b>	17.85	15.20	-2.7	↓ -14.85%
<b>TCT</b>	24.20	21.05	-3.2	↓ -13.02%
<b>LGL</b>	3.39	3.00	-0.4	↓ -11.50%
<b>POM</b>	3.10	2.76	-0.3	↓ -10.97%
<b>SRC</b>	30.50	27.45	-3.1	↓ -10.00%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
<b>TKU</b>	17.60	14.40	-3.2	↓ -18.18%
<b>VTV</b>	6.00	5.00	-1.0	↓ -16.67%
<b>SMT</b>	6.00	5.10	-0.9	↓ -15.00%
<b>L61</b>	3.50	3.00	-0.5	↓ -14.29%
<b>TMB</b>	84.00	72.50	-11.5	↓ -13.69%

(\*) Giá điều chỉnh



## Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



## P/E và Thị Trường



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	143,590,794	10.1%	1,244	14.4	1.4
SHB	141,246,274	15.8%	2,019	5.5	0.8
VIX	107,105,300	12.8%	1,670	10.2	1.3
MBB	105,177,201	21.5%	3,869	5.8	1.2
DIG	103,094,800	1.5%	195	145.4	2.2

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	96,024,880	5.7%	688	27.2	1.4
CEO	40,071,180	3.0%	402	45.5	1.5
PVS	28,520,609	7.7%	2,148	18.3	1.4
HUT	22,099,462	0.6%	89	193.1	1.3
MBS	16,688,304	13.0%	1,475	18.7	2.3

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HAS	↑ 31.7%	-1.4%	-242	-	0.5
DXV	↑ 21.8%	-8.0%	-847	-	0.6
TCO	↑ 20.4%	4.7%	791	14.0	0.6
TVB	↑ 19.2%	5.8%	564	13.9	0.9
HID	↑ 18.8%	1.8%	222	13.8	0.3

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CAG	↑ 55.8%	-0.3%	-30	-	1.2
AAV	↑ 48.5%	-2.1%	-246	-	0.4
DC2	↑ 29.2%	1.3%	135	66.0	0.8
CAN	↑ 20.1%	8.1%	2,414	22.7	1.8
ATS	↑ 20.0%	0.5%	66	166.8	0.9

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	12,080,291	0.7%	115	469.5	3.4
VND	11,762,982	15.6%	2,057	10.2	1.5
HPG	10,119,184	6.9%	1,175	24.3	1.6
TPB	8,532,704	13.7%	2,019	8.9	1.2
SSI	6,462,167	10.1%	1,531	23.1	2.3

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	8,026,734	7.7%	2,148	18.3	1.4
MBS	1,305,177	13.0%	1,475	18.7	2.3
LAS	994,000	12.0%	1,487	12.8	1.5
BVS	821,500	9.6%	3,090	11.6	1.1
DTD	359,500	19.9%	4,407	5.9	1.0

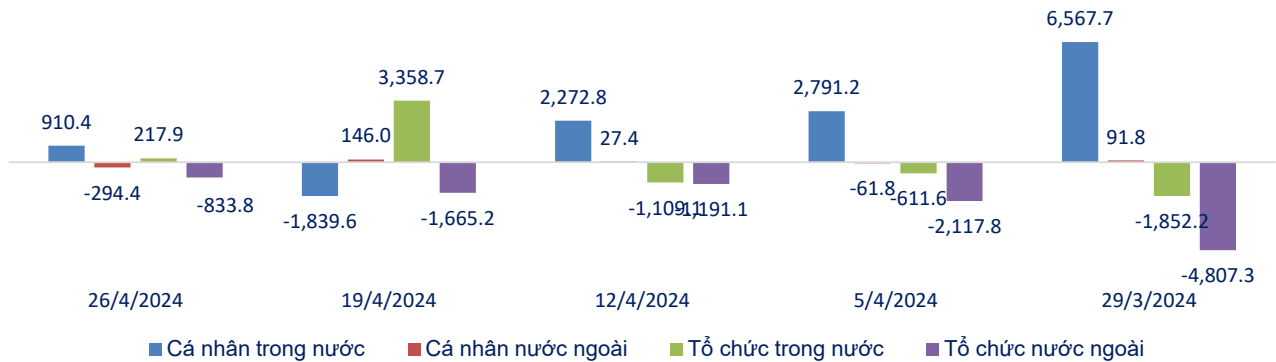
## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	508,607	22.0%	5,910	15.4	3.1
BID	282,742	18.9%	3,773	13.1	2.3
VHM	177,223	20.2%	7,664	5.3	1.0
CTG	177,210	17.0%	3,706	8.9	1.4
GAS	169,959	18.4%	5,053	14.6	2.6

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,784	7.7%	2,148	18.3	1.4
IDC	18,216	22.6%	4,223	13.1	2.9
HUT	15,262	0.6%	89	193.1	1.3
SHS	15,206	5.7%	688	27.2	1.4
THD	13,590	2.9%	458	77.0	2.2

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)


**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	865.19	22.8%	5,338	23.1	4.9
VHM	434.62	20.2%	7,664	5.3	1.0
STB	265.47	18.3%	4,094	6.9	1.2
MBB	214.07	21.5%	3,869	5.8	1.2
HDB	212.14	23.6%	3,479	6.5	1.4

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-514.19	8.9%	1,525	12.2	1.0
VND	-261.32	15.6%	2,057	10.2	1.5
SSI	-231.83	10.1%	1,531	23.1	2.3
HPG	-178.56	6.9%	1,175	24.3	1.6
KDH	-177.98	5.2%	905	38.2	1.8

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	15.51	8.9%	1,525	12.2	1.0
VIX	10.38	12.8%	1,670	10.2	1.3
HPG	8.55	6.9%	1,175	24.3	1.6
VND	7.40	15.6%	2,057	10.2	1.5
SSI	6.31	10.1%	1,531	23.1	2.3

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-362.17	16.0%	2,322	5.8	0.9
EIB	-12.72	10.1%	1,244	14.4	1.4
HPX	-11.54	4.8%	565	10.8	0.5
RAL	-4.31	20.5%	25,476	5.2	1.0
CNG	-4.20	14.1%	2,313	13.0	1.8

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFNVD	1,789.61	N/A	N/A	N/A	N/A
VPB	471.24	8.9%	1,525	12.2	1.0
GEX	115.92	1.6%	388	53.6	0.8
TCB	110.98	15.2%	5,606	8.2	1.2
EIB	91.06	10.1%	1,244	14.4	1.4

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-863.17	22.8%	5,338	23.1	4.9
MWG	-491.13	0.7%	115	469.5	3.4
MBB	-213.58	21.5%	3,869	5.8	1.2
ACB	-204.58	24.8%	4,131	6.5	1.5
STB	-202.01	18.3%	4,094	6.9	1.2

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

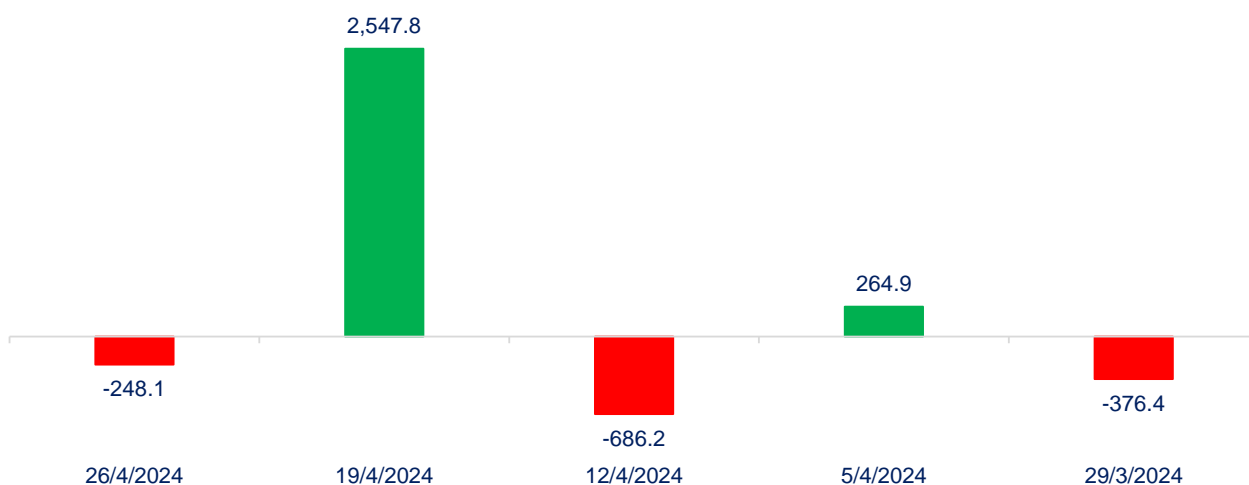
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	650.55	0.7%	115	469.5	3.4
MSB	359.69	16.0%	2,322	5.8	0.9
HPG	276.30	6.9%	1,175	24.3	1.6
VND	231.44	15.6%	2,057	10.2	1.5
SSI	220.76	10.1%	1,531	23.1	2.3

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

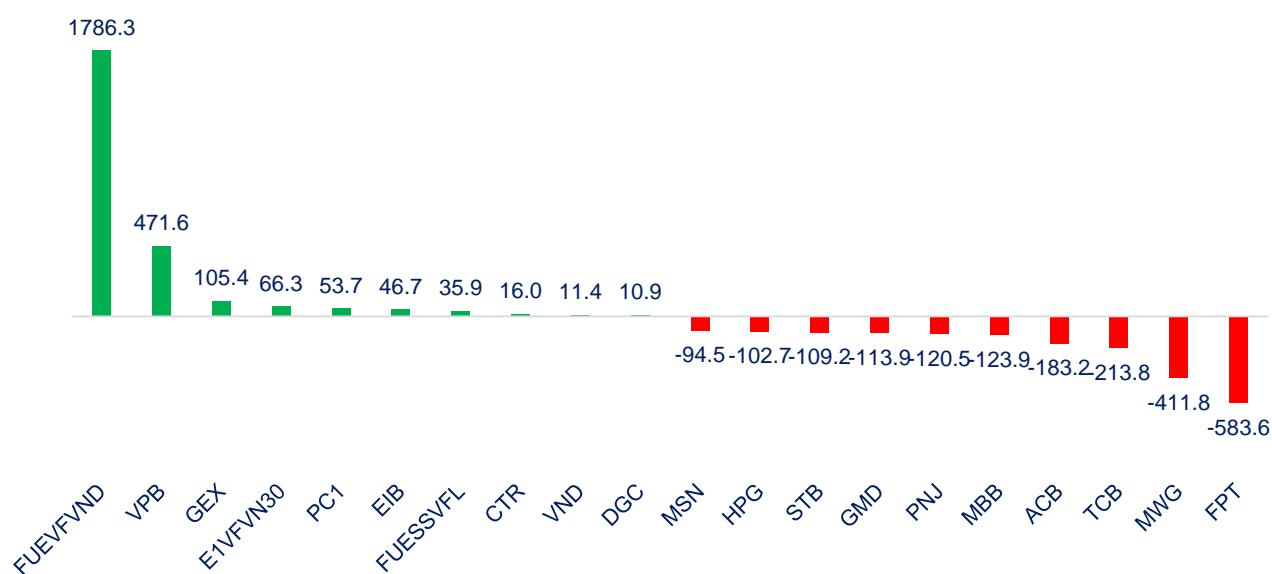
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFNVD	-1,785.86	N/A	N/A	N/A	N/A
VHM	-340.45	20.2%	7,664	5.3	1.0
DIG	-155.93	1.5%	195	145.4	2.2
HDB	-141.94	23.6%	3,479	6.5	1.4
GAS	-122.48	18.4%	5,053	14.6	2.6



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





## LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
13/9/2018	26/4/2024	20/9/2018	19/9/2018	<b>SD9</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
29/12/2023	26/4/2024	9/1/2024	8/1/2024	<b>DNH</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5/1/2024	26/4/2024	12/1/2024	11/1/2024	<b>HND</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7/2/2024	26/4/2024	6/3/2024	5/3/2024	<b>SD5</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
7/2/2024	26/4/2024	12/3/2024	11/3/2024	<b>CCL</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
7/2/2024	26/4/2024	28/2/2024	27/2/2024	<b>HRT</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
15/2/2024	26/4/2024	22/2/2024	21/2/2024	<b>SPI</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
7/2/2024	26/4/2024	14/3/2024	13/3/2024	<b>IME</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
16/2/2024	26/4/2024	26/3/2024	25/3/2024	<b>VMG</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
16/2/2024	26/4/2024	11/3/2024	8/3/2024	<b>TKU</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
22/2/2024	26/4/2024	14/3/2024	13/3/2024	<b>EIB</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
21/2/2024	26/4/2024	12/3/2024	11/3/2024	<b>HOM</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
27/2/2024	26/4/2024	15/3/2024	14/3/2024	<b>CIG</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
26/2/2024	26/4/2024	21/3/2024	20/3/2024	<b>TDB</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
26/2/2024	26/4/2024	20/3/2024	19/3/2024	<b>ITS</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
26/2/2024	26/4/2024	27/2/2024	26/2/2024	<b>MTS</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
23/2/2024	26/4/2024	12/3/2024	11/3/2024	<b>FIT</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
26/2/2024	26/4/2024	26/3/2024	25/3/2024	<b>TVD</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
26/2/2024	26/4/2024	20/3/2024	19/3/2024	<b>DIH</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
27/2/2024	26/4/2024	20/3/2024	19/3/2024	<b>TA6</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
27/2/2024	26/4/2024	18/3/2024	15/3/2024	<b>C32</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
1/3/2024	26/4/2024	14/3/2024	13/3/2024	<b>GMX</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
29/2/2024	26/4/2024	25/3/2024	22/3/2024	<b>LO5</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
27/2/2024	26/4/2024	15/3/2024	14/3/2024	<b>CIP</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
1/3/2024	26/4/2024	26/3/2024	25/3/2024	<b>THU</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
27/2/2024	26/4/2024	20/3/2024	19/3/2024	<b>BT1</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
5/3/2024	26/4/2024	26/3/2024	25/3/2024	<b>HPI</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
4/3/2024	26/4/2024	25/3/2024	22/3/2024	<b>VSN</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
29/2/2024	26/4/2024	21/3/2024	20/3/2024	<b>XPH</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
1/3/2024	26/4/2024	21/3/2024	20/3/2024	<b>CST</b>	Đại hội Đồng Cổ đông



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn Metropolitan,  
235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, TP HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)